ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH PHÚ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 80/KH-UBND	*Vĩnh Phú, ngày 26 tháng 02 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026 trên địa bàn xã Vĩnh Phú

Thực hiện Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Thông tư số 15/2025/TT-BTP ngày 11/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 04/02/2026 của UBND xã về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026.

UBND xã Vĩnh Phú ban hành Kế hoạch xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026 trên địa bàn xã cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức triển khai đầy đủ, thống nhất, hiệu quả các tiêu chí, chỉ tiêu xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định tại Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Thông tư số 15/2025/TT-BTP ngày 11/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và các chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tư pháp về công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước bằng pháp luật; bảo đảm quyền được tiếp cận thông tin pháp luật của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn xã.

Nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức và Nhân dân; góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

2. Yêu cầu

Việc xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật phải được triển khai đồng bộ, thực chất, bám sát các tiêu chí, chỉ tiêu, nội dung đánh giá theo quy định.

Xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp, tiến độ thực hiện và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân; bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, tiết kiệm.

Tăng cường phối hợp giữa UBND xã với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các đoàn thể chính trị, xã hội, các thôn và Nhân dân trong tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá kết quả.

Bảo đảm đầy đủ hồ sơ, tài liệu kiểm chứng phục vụ công tác tự chấm điểm, đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền phổ biến các quy định về xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động như Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Thông tư số 15/2025/TT-BTP ngày 11/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và các văn bản của UBND tỉnh, Sở Tư pháp bằng các hình thức phù hợp.

- *Cơ quan chủ trì*: Văn phòng HĐND và UBND xã.

- *Cơ quan phối hợp*: Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã, Công an xã, BCH Quân sự xã.

- *Thời gian thực hiện*: Năm 2026

2. Triển khai thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật

(Có phụ lục chi tiết các tiêu chí, chỉ tiêu theo dõi, phân công thực hiện và tài liệu kiểm chứng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật kèm theo)

3. Tiếp nhận, tổng hợp, hướng dẫn, giải đáp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình đánh giá đề nghị công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

- *Cơ quan chủ trì tham mưu*: Văn phòng HĐND và UBND xã.

- *Cơ quan phối hợp*: Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã, Công an xã, BCH Quân sự xã, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

4. Tổ chức tự chấm điểm, đánh giá và đề nghị công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

- *Cơ quan chủ trì tham mưu*: Văn phòng HĐND và UBND xã.

- *Cơ quan phối hợp*: Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã, Công an xã, BCH Quân sự xã, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

- T*hời gian thực hiện*: Quý IV/2026 khi Sở Tư pháp có yêu cầu.

5. Niêm yết, công khai kết quả đánh giá và tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn

Niêm yết công khai kết quả tự chấm điểm chuẩn tiếp cận pháp luật tại trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn và trên Trang thông tin điện tử xã; lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn; tổng hợp ý kiến.

- *Cơ quan chủ trì thực hiện*: Văn phòng HĐND và UBND xã.

- *Cơ quan phối hợp*: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- *Thời gian thực hiện*: Theo quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng HĐND và UBND xã

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, các thôn trên địa bàn xã triển khai thực hiện các nội dung tại Kế hoạch này, đôn đốc; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu.

- Tổng hợp hồ sơ, tổ chức tự chấm điểm, lập báo cáo và hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026.

- Niêm yết công khai kết quả tự chấm điểm chuẩn tiếp cận pháp luật, tham mưu UBND xã đề nghị UBND tỉnh đề nghị công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

2. Phòng Kinh tế

Phối hợp với Văn phòng HĐND&UBND xã tham mưu bố trí kinh phí thực hiện công tác chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động thực hiện các nhiệm vụ được giao, đồng thời phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND xã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về UBND xã qua (Văn phòng HĐND&UBND xã) để tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND xã xem xét, giải quyết.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, Trưởng thôn

Thường xuyên tuyên truyền phổ biến Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Thông tư số 15/2025/TT-BTP ngày 11/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật bằng nhiều hình thức, phù hợp theo địa bàn quản lý.

Trên đây là Kế hoạch triển khai xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026 trên địa bàn xã Vĩnh Phú, đề nghị các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Ủy ban MTTQVN xã;
- CT, các PCT UBND;
- CVP, các PCVP HĐND&UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã;
- Lưu: VT, VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Mạnh

PHỤ LỤC

PHÂN CÔNG PHỤ TRÁCH CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU XÃ CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

(Kèm theo Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 26/02/2026 của UBND xã Vĩnh Phú)

Tiêu chí, chỉ tiêu	NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU	Mức độ đạt chuẩn	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Tài liệu chứng minh[1]
Tiêu chí 1	**Ban hành văn bản quy phạm pháp luật**	**Đạt 03/03 chỉ tiêu**			
Chỉ tiêu 1	***Văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp xã được ban hành đúng thời hạn và đúng quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật***	***Đạt 01/01 nội dung***			
	Tỷ lệ nghị quyết của HĐND, quyết định của UBND cấp xã được ban hành đúng thời hạn và đúng quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. *Tỷ lệ % = (Tổng số nghị quyết của HĐND, quyết định của UBND cấp xã được ban hành đúng thời hạn và đúng quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý hoặc kiến nghị xử lý do trái với quy định pháp luật/Tổng số nghị quyết của HĐND, quyết định của UBND cấp xã phát sinh trong năm đánh giá phải ban hành) x 100.* (Trong năm không phát sinh nhiệm vụ ban hành văn bản QPPL được tính đạt 100%.)	100%	Các cơ quan, đơn vị được giao tham mưu xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã.	- Các nghị quyết của HĐND cấp xã, quyết định của UBND cấp xã ban hành. - Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc xử lý, kiến nghị xử lý văn bản của HĐND, UBND cấp xã do trái quy định của pháp luật *(nếu có)*.
Chỉ tiêu 2	***Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp xã được truyền thông trong quá trình xây dựng theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật***	***Đạt 01/01 nội dung***			

[1] Đối với tài liệu chứng minh là Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ thì cần thể hiện cụ thể mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Tiêu chí, chỉ tiêu	NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU	Mức độ đạt chuẩn	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Tài liệu chứng minh[1]
	Tỷ lệ dự thảo nghị quyết của HĐND, quyết định của UBND cấp xã được truyền thông trong quá trình xây dựng theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. *Tỷ lệ % = (Tổng số dự thảo nghị quyết của HĐND, quyết định của UBND cấp xã được truyền thông trong quá trình xây dựng theo quy định/Tổng số nghị quyết của HĐND, quyết định của UBND cấp xã phát sinh trong năm đánh giá phải ban hành) x 100.* (Trong năm không phát sinh nhiệm vụ truyền thông trong quá trình xây dựng văn bản QPPL theo quy định được tính đạt 100%)	100%	Các cơ quan, đơn vị được giao tham mưu xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã.	Hồ sơ, văn bản, tài liệu phục vụ việc truyền thông dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp xã trong quá trình xây dựng. Đường dẫn trên Trang TTĐT/Cổng TTĐT thể hiện việc truyền thông, ảnh, tin bài thể hiện truyền thông bằng hình thức phù hợp khác.
Chỉ tiêu 3	***Thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp xã theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật***	***Đạt 01/01 nội dung***			
	Tỷ lệ nghị quyết của HĐND, quyết định của UBND cấp xã được thực hiện tự kiểm tra theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. *Tỷ lệ % = (Tổng số nghị quyết của HĐND, quyết định của UBND cấp xã được thực hiện tự kiểm tra theo quy định/Tổng số nghị quyết của HĐND, quyết định của UBND cấp xã phải thực hiện tự kiểm tra theo quy định trong năm đánh giá) x 100.* (Trong năm không phát sinh nhiệm vụ tự kiểm tra văn bản QPPL theo quy định được tính đạt 100%.)	100%	Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tự kiểm tra văn bản QPPL	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã.	- Hồ sơ tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp xã (theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP)). - Báo cáo kết quả tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp xã (độc lập hoặc lồng ghép)

Tiêu chí, chỉ tiêu	NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU	Mức độ đạt chuẩn	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Tài liệu chứng minh[1]
Tiêu chí 2	**Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật**	**Đạt 07/07 chỉ tiêu**			
Chỉ tiêu 1	***Thực hiện lập, cập nhật, đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin phải được công khai và Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin***	***Đạt 02/02 nội dung***			
	1. Thực hiện lập, cập nhật Danh mục thông tin phải được công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện	Có Danh mục thông tin theo quy định của pháp luật và cập nhật thường xuyên	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã.		- Danh mục thông tin phải được công khai; Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện và việc thường xuyên cập nhập thông tin vào danh mục này[2]. - Tài liệu thể hiện việc đăng tải (niêm yết): Đường dẫn trên Cổng/Trang thông tin điện tử, lịch phát các tin, bài công khai thông tin được người có thẩm quyền phê duyệt; hình ảnh chụp các bảng niêm yết, công khai thông tin hoặc hình thức phù hợp khác. - Báo cáo kết quả thực hiện (độc lập hoặc lồng ghép)
	2. Đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin	Đăng tải Danh mục thông tin *(cấp xã có Cổng/Trang thông tin điện tử)* hoặc niêm yết Danh mục thông tin tại trụ sở UBND cấp xã *(cấp xã chưa có*	Văn phòng HĐNDUBND xã	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã.	

[2] *Thực hiện theo Luật Tiếp cận thông tin*

Tiêu chí, chỉ tiêu	NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU	Mức độ đạt chuẩn	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Tài liệu chứng minh[1]
		Cổng/Trang thông tin điện tử) hoặc hình thức phù hợp khác			
Chỉ tiêu 2	***Thực hiện công khai văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi ban hành theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin***	***Đạt 01/01 nội dung***			
	Tỷ lệ nghị quyết của HĐND, quyết định của UBND cấp xã sau khi ban hành được công khai theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin. *Tỷ lệ % = (Tổng số nghị quyết của HĐND, quyết định của UBND cấp xã sau khi ban hành được công khai theo quy định/Tổng số nghị quyết của HĐND được thông qua và quyết định của UBND cấp xã phải thực hiện công khai theo quy định trong năm đánh giá) x 100.* (Trong năm không phát sinh nhiệm vụ công khai văn bản QPPL sau khi ban hành theo quy định được tính đạt 100%.)	100%	Các cơ quan, đơn vị được giao tham mưu xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Văn phòng HĐND&UBND xã	- Đường dẫn đăng tải nghị quyết của HĐND, quyết định của UBND cấp xã sau khi ban hành trên Cổng/Trang thông tin điện tử; lịch phát các tin, bài công khai được người có thẩm quyền phê duyệt; hình ảnh chụp bảng niêm yết, công khai; hồ sơ gửi đăng công báo điện tử cấp tỉnh, công báo điện tử cấp tỉnh… - Báo cáo kết quả triển khai thực hiện (độc lập hoặc lồng ghép)
Chỉ tiêu 3	***Thực hiện cung cấp thông tin theo yêu cầu theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin***	***Đạt 01/01 nội dung***			

Tiêu chí, chỉ tiêu	NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU	Mức độ đạt chuẩn	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Tài liệu chứng minh[1]
	Tỷ lệ thông tin được cung cấp theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định pháp luật. *Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng thời hạn, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp trong năm đánh giá) x 100.* (Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được xác định là đạt chỉ tiêu này)	100%	Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã.	- Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu của HĐND, UBND cấp xã; - Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin; Phiếu giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin; các phiếu sử dụng trong cung cấp thông tin… các tài liệu liên quan khác (nếu có) - Báo cáo kết quả thực hiện (độc lập hoặc lồng ghép)
Chỉ tiêu 4	***Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật***	***Đạt 02/02 nội dung***			
	1. Ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật.	Kế hoạch được ban hành đáp ứng yêu cầu về nội dung và thời hạn theo kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của UBND cấp tỉnh hoặc trong 07 *(bảy)* ngày làm việc,	Văn phòng HĐND&UBND xã	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã.	- Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật của UBND cấp xã. - Báo cáo của UBND cấp xã về kết quả thực hiện Kế hoạch (*báo cáo riêng hoặc lồng ghép*). - Tài liệu chứng minh kết quả thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch: Giấy mời tổ chức hội nghị; tài liệu PBGDPL….

Tiêu chí, chỉ tiêu	NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU	Mức độ đạt chuẩn	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Tài liệu chứng minh[1]
		kể từ ngày UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch trong trường hợp UBND cấp tỉnh không có yêu cầu về thời hạn			
	2. Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm *Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong Kế hoạch) x 100* (Các nhiệm vụ, hoạt động đã đề ra trong kế hoạch nhưng không triển khai và không hoàn thành được vì lý do khách quan thì không được tính để xác định tỷ lệ này)	100%	Văn phòng HĐND&UBND xã	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã.	
Chỉ tiêu 5	***Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật***	***Đạt 01/01 nội dung***			
	UBND cấp xã thực hiện ít nhất 02 *(hai)* hoạt động về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật sau đây: - Tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến; - Ứng dụng công nghệ số trong tập huấn phổ biến kiến thức pháp luật và kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ nhân lực làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; - Phổ biến, giáo dục pháp luật trên Cổng/Thông tin	≥ 02 hoạt động	Văn phòng HĐND&UBND xã	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã.	Hồ sơ, văn bản, tài liệu chứng minh kết quả thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật như: Kế hoạch, công văn, báo cáo… địa chỉ đường dẫn trên Cổng/Trang thông tin điện tử, mạng xã hội hoặc các nền tảng cộng đồng trực tuyến…tài liệu

Tiêu chí, chỉ tiêu	NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU	Mức độ đạt chuẩn	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Tài liệu chứng minh[1]
	điện tử của HĐND, UBND cấp xã và có sự kết nối với Cổng Pháp luật Quốc gia *(đối với cấp xã đã có Cổng/Trang thông tin điện tử)*; - Sử dụng mạng xã hội hoặc các nền tảng cộng đồng trực tuyến khác để thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật *(ít nhất một trong các hình thức sau: Zalo OA, Facebook Fanpage, Youtube...)*; - Xây dựng, số hoá các tài liệu, sản phẩm truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật như video clip hoặc podcast hoặc audio…; - Xây dựng chatbox giải đáp pháp luật; - Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tin nhắn điện thoại; - Hoạt động về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số khác bảo đảm phù hợp với thực tiễn.				khác có liên quan
Chỉ tiêu 6	***Bảo đảm nguồn lực về con người và kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật***	***Đạt 03/03 nội dung***			
	1. UBND cấp xã bố trí công chức, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn cấp xã	Bảo đảm theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn hướng dẫn thi hành	Văn phòng HĐND&UBND xã	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã.	- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền có nội dung phân công, bố trí công chức làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; - Quyết định công nhận tuyên truyền viên pháp luật; - Quyết định phân bổ, bố trí kinh phí cho công tác PBGDBPL; Dự toán kinh phí chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được UBND cấp xã phê duyệt;

Tiêu chí, chỉ tiêu	NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU	Mức độ đạt chuẩn	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Tài liệu chứng minh[1]
	2. Tỷ lệ nhiệm vụ về phổ biến, giáo dục pháp luật trong kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đã ban hành được bố trí kinh phí bảo đảm triển khai thực hiện *Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ về phổ biến, giáo dục pháp luật được bố trí kinh phí bảo đảm triển khai thực hiện/Tổng số nhiệm vụ về phổ biến, giáo dục pháp luật trong Kế hoạch) x 100*	100%	Văn phòng HĐND&UBND xã	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã.	- Báo cáo kết quả thực hiện (độc lập hoặc lồng ghép)
	3. Tỷ lệ tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật *Tỷ lệ % = (Tổng số tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng/Tổng số tuyên truyền viên pháp luật trên địa bàn cấp xã) x 100*	≥ 90%	Văn phòng HĐND&UBND xã	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã.	Hồ sơ, tài liệu, văn bản có nội dung về việc tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho tuyên truyền viên pháp luật *(Văn bản/giấy mời và văn bản về việc cử tuyên truyền viên pháp luật tham gia tập huấn, bồi dưỡng….)* - Tài liệu khác chứng minh kết quả thực hiện các nhiệm vụ.
Chỉ tiêu 7	***Thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý***	***Đạt 03/03 nội dung***			
	1. Ban hành kế hoạch truyền thông về trợ giúp pháp lý hằng năm theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý	Kế hoạch được ban hành riêng hoặc được lồng ghép trong KH khác của UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã.	Văn phòng HĐND&UBND xã	- Kế hoạch truyền thông về trợ giúp pháp lý hằng năm *(ban hành riêng hoặc được lồng ghép trong các kế hoạch của UBND cấp xã)*; - Báo cáo của UBND cấp xã về kết quả thực hiện Kế hoạch *(báo cáo riêng hoặc lồng ghép)*; Các văn bản, tài liệu thể hiện việc tổ chức, thực hiện các nhiệm vụ của Kế

Tiêu chí, chỉ tiêu	NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU	Mức độ đạt chuẩn	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Tài liệu chứng minh[1]
	2. Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch truyền thông về trợ giúp pháp lý hằng năm *Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong kế hoạch) x 100* (Các nhiệm vụ, hoạt động đã đề ra trong kế hoạch nhưng không triển khai và không hoàn thành được vì lý do khách quan thì không được tính để xác định tỷ lệ này)	100%	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã.	Văn phòng HĐND&UBND xã	hoạch
	3. Xây dựng chuyên mục chính sách, pháp luật về trợ giúp pháp lý trên Cổng/Trang Thông tin điện tử của HĐND, UBND cấp xã và được cập nhật đầy đủ, kịp thời *(đối với cấp xã đã có Cổng/Trang Thông tin điện tử)*	Có chuyên mục chính sách, pháp luật và được cập nhật đầy đủ, kịp thời	Văn phòng HĐND&UBND xã	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã.	- Đường dẫn chuyên mục chính sách, pháp luật về trợ giúp pháp lý trên Cổng/Trang Thông tin điện tử của HĐND, UBND cấp xã.
Tiêu chí 3	**Hoà giải ở cơ sở**	**Đạt 04/04 chỉ tiêu**			
Chỉ tiêu 1	***Thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở***	***Đạt 02/02 nội dung***			
	1. Tỷ lệ tổ hoà giải được thành lập, kiện toàn theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở *Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hoà giải được thành lập, kiện toàn đáp ứng yêu cầu về số lượng, thành phần theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở/Tổng số tổ hoà giải phải thành lập, kiện toàn trên địa bàn cấp xã) x 100* (Trong năm đánh giá không phát sinh yêu cầu thành lập, kiện toàn tổ hòa giải được xác định là	100%	- Văn phòng HĐND&UBND xã - Uỷ ban MTTQ Việt Nam xã	Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, Trưởng thôn	- Các văn bản về thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và hồ sơ bầu, công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên, cho thôi hoà giải viên. - Báo cáo của UBND cấp xã về kết quả hoạt động hòa giải ở cơ sở *(báo cáo riêng hoặc lồng ghép)*.

Tiêu chí, chỉ tiêu	NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU	Mức độ đạt chuẩn	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Tài liệu chứng minh[1]
	đạt chỉ tiêu này)				
	2. Tỷ lệ hoà giải viên được bầu, công nhận, cho thôi theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở *Tỷ lệ % = (Tổng số hoà giải viên được bầu, công nhận, cho thôi theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở/Tổng số hoà giải viên phải thực hiện bầu, công nhận, cho thôi trên địa bàn cấp xã) x 100* (Trong năm đánh giá không phát sinh yêu cầu kiện toàn, công nhận, cho thôi hòa giải viên được xác định là đạt chỉ tiêu này)	100%			
Chỉ tiêu 2	***Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở***	***Đạt 02/02 nội dung***			
	1. Tỷ lệ các vụ, việc thuộc phạm vi hoà giải ở cơ sở được tiếp nhận, giải quyết theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở *Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc đã hòa giải theo quy định/Tổng số vụ, việc hoà giải đã tiếp nhận trên địa bàn cấp xã) x 100* (Trong năm đánh giá không phát sinh vụ, việc hòa giải được xác định là đạt chỉ tiêu này)	100%	Tổ hoà giải	Văn phòng HĐND&UBND xã	- Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở; - Văn bản/ Biên bản hòa giải thành. - Báo cáo của UBND cấp xã về kết quả hoạt động hòa giải ở cơ sở *(báo cáo riêng hoặc lồng ghép)*;
	2. Tỷ lệ các vụ, việc hoà giải ở cơ sở được hoà giải thành *Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ, việc đã hòa giải theo quy định) x 100* (Trong năm đánh giá không phát sinh vụ, việc hòa giải được xác định là đạt chỉ tiêu này)	≥ 85%			

Tiêu chí, chỉ tiêu	NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU	Mức độ đạt chuẩn	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Tài liệu chứng minh[1]
Chỉ tiêu 3	***Có sự phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở***	***Đạt 01/01 nội dung***			
	Tỷ lệ tổ hoà giải thực hiện ít nhất 02 *(hai)* hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở sau đây: - Huy động ít nhất 01 *(một)* trong các đội ngũ sau đây tham gia làm hòa giải viên ở cơ sở: Luật sư, luật gia, trợ giúp viên pháp lý, Hội thẩm nhân dân, lực lượng Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, người đã từng là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, người đã hoặc đang công tác trong lĩnh vực pháp luật. - Huy động ít nhất 01 *(một)* trong các đội ngũ nêu trên hỗ trợ pháp lý hoặc tư vấn cho tổ hoà giải để giải quyết vụ, việc thuộc phạm vi hoà giải ở cơ sở. - Huy động ít nhất 01 *(một)* trong các đội ngũ nêu trên tham gia tập huấn, bồi dưỡng cho hoà giải viên. - Các hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức khác trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở. *Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hoà giải thực hiện ít nhất 02 hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hoà giải ở cơ sở/Tổng số tổ hòa giải trên địa bàn cấp xã) x 100*	≥ 80%	Tổ hoà giải	Văn phòng HĐND&UBND xã	- Hồ sơ, tài liệu *(kế hoạch, giấy mời, công văn, báo cáo, quyết định công nhận hòa giải viên…)* có nội dung tổ hoà giải thực hiện ít nhất 02 hoạt động có sự tham gia của một trong những đối tượng là luật sư, luật gia, Hội thẩm nhân dân, lực lượng Công an nhân dân, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, người đã từng là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, người đã hoặc đang công tác trong lĩnh vực pháp luật ***làm hòa giải viên ở cơ sở*** hoặc ***hỗ trợ pháp lý, tư vấn cho tổ hòa giải*** để giải quyết vụ, việc hoặc tham gia tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên…. - Báo cáo kết quả thực hiện hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở (*báo cáo riêng hoặc lồng ghép).*

Tiêu chí, chỉ tiêu	NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU	Mức độ đạt chuẩn	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Tài liệu chứng minh[1]
Chỉ tiêu 4	***Bảo đảm nguồn lực về con người và kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để triển khai công tác hòa giải ở cơ sở theo của quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở***	***Đạt 04/04 nội dung***			
	1. UBND cấp xã bố trí công chức làm công tác hoà giải ở cơ sở, bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện triển khai công tác hoà giải ở cơ sở trên địa bàn cấp xã	Có văn bản phân công công chức cấp xã thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở; cơ sở vật chất, phương tiện bảo đảm triển khai công tác hoà giải ở cơ sở	Văn phòng HĐND&UBND xã	Phòng Kinh tế	- Văn bản phân công, bố trí công chức cấp xã thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở;
	2. Tỷ lệ hoà giải viên được cung cấp tài liệu, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng hoà giải ở cơ sở *Tỷ lệ % = (Tổng số hoà giải viên ở cơ sở được cung cấp tài liệu, tập huấn, bồi dưỡng/Tổng số hoà giải viên trên địa bàn cấp xã) x 100*	≥ 90%			- Hồ sơ, tài liệu, văn bản có nội dung về việc cung cấp tài liệu, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng hoà giải ở cơ sở cho hoà giải viên.
	3. Tỷ lệ tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí hoạt động đúng mức chi theo quy định *Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định/Tổng số tổ hòa giải trên địa bàn cấp xã) x 100*	100%			- Hồ sơ, tài liệu thực hiện chi kinh phí hỗ trợ hoạt động cho tổ hòa giải và thù lao cho hòa giải viên theo đúng quy định *(Nghị quyết số 92/2025/NQ-HĐND quy định các*

Tiêu chí, chỉ tiêu	NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU	Mức độ đạt chuẩn	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Tài liệu chứng minh[1]
	4. Tỷ lệ vụ, việc đã hoà giải được hỗ trợ thù lao cho hoà giải viên đúng mức chi theo quy định *Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc đã hoà giải được hỗ trợ thù lao cho hoà giải viên đúng mức chi theo quy định/Tổng số vụ, việc hoà giải đã giải quyết) x 100*	100%			*mức chi cụ thể bảo đảm cho công tác PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Phú Thọ)*

Trang cuối./.